

Số: 01/2025/QĐST-KDTM

Tiên Yên, ngày 04 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 100, khoản 1 Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 280, Điều 320, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N2 (A)

Trụ sở: số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội. (nay là số B L, phường G, thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V, Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Linh S, Giám đốc Ngân hàng N2 chi nhánh huyện Đ.

Người được uỷ quyền lại: bà Đinh Thị Kim T, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N2 chi nhánh huyện Đ (văn bản uỷ quyền số: 106/NHNo.ĐH-KTNQ ngày 03/3/2025 của ông Nguyễn Linh S, chức vụ: Giám đốc A Chi nhánh huyện Đ).

- **Bị đơn:** bà Đặng Thị C, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: phố L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. (nay là phố L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Hoàng Văn Ô, sinh năm 1952,

+ Chị Hoàng Mạnh L, sinh năm 1982,

+ Anh Hoàng Mạnh B, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ nơi cư trú: số nhà B Phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. (nay là số nhà B, phố T, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh)

+ Anh Hoàng Mạnh T1, sinh năm 1985, địa chỉ nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. (nay là thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh)

+ Ông Phan Văn N, sinh năm 1962

+ Anh Phan Văn C1, sinh năm 1991

+ Chị Hoàng Thị Thu T2, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ nơi cư trú: phố L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. (nay là phố L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Ngân hàng N2, bà Đặng Thị C, ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1, chị Hoàng Thị Thu T2, ông Hoàng Văn Ô, chị Hoàng Mạnh L, anh Hoàng Mạnh B, anh Hoàng Mạnh T1 thoả thuận thống nhất:

- Bà Đặng Thị C, ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1 và chị Hoàng Thị Thu T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N2 số tiền tính đến ngày 26/6/2025 là: **1.743.616.438đ** (một tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc: 1.500.000.000đ (một

tỷ năm trăm triệu đồng); nợ lãi trong hạn: 180.164.384đ (một trăm tám mươi triệu một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng); nợ lãi quá hạn: 63.452.055đ (sáu mươi ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

- Về phương thức thanh toán nợ: bà Đặng Thị C, ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1 và chị Hoàng Thị Thu T2 phải thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng N2 thành 03 đợt, cụ thể:

+ Đợt 1: ngày 31/7/2025, bà Đặng Thị C, ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1 và chị Hoàng Thị Thu T2 phải trả số tiền gốc **200.000.000đ** (hai trăm triệu đồng) cho Ngân hàng N2;

+ Đợt 2: ngày 30/9/2025, bà Đặng Thị C, ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1 và chị Hoàng Thị Thu T2 phải trả số tiền gốc **500.000.000đ** (năm trăm triệu đồng) cho Ngân hàng N2;

+ Đợt 3: ngày 31/12/2025, bà Đặng Thị C, ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1 và chị Hoàng Thị Thu T2 phải trả số tiền gốc **800.000.000đ** (tám trăm triệu đồng) và toàn bộ số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đã nêu trên và số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 26/6/2025 cho Ngân hàng N2.

Kể từ sau ngày 26/6/2025, bà Đặng Thị C, ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1 và chị Hoàng Thị Thu T2 vẫn phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số: 8014-LAV-202300680 đã ký với Ngân hàng N2 chi nhánh huyện Đ. Lãi suất trên không được trái với quy định pháp luật.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Ngân hàng N2, bà Đặng Thị C, ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1, chị Hoàng Thị Thu T2, ông Hoàng Văn Ồ, chị Hoàng Mạnh L, anh Hoàng Mạnh B, anh Hoàng Mạnh T1 đã thỏa thuận thống nhất:

Trường hợp nếu đến thời hạn các đợt thanh toán nợ nêu trên mà bà Đặng Thị C, ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1 và chị Hoàng Thị Thu T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của từng đợt thanh toán đối với Ngân hàng N2 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất có diện tích 120 m² có địa chỉ: phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là phố T, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL333582 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH001406 do UBND huyện Đ cấp ngày 27/9/2016 cho ông Hoàng Văn Ổ và bà Đặng Thị N1 theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ thì bà Đặng Thị C và ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1 và chị Hoàng Thị Thu T2 phải có nghĩa vụ thanh toán đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng N2 theo Hợp đồng tín dụng đã ký và Cơ quan thi hành án dân sự có quyền kê biên, xử lý tài sản khác thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Đặng Thị C và ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1 và chị Hoàng Thị Thu T2 theo quy định pháp luật.

2.3. Về chi phí tố tụng:

Toà án nhân dân huyện Đầm Hà đã chi chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền **6.300.000đ** (sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Ngân hàng N2 đã nộp số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Bà Đặng Thị C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Bà Đặng Thị C có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N2 số tiền **6.300.000đ** (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.4. Về án phí:

Tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định là **32.154.247đ** (ba mươi hai triệu một trăm năm mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng). Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Ngân hàng N2 phải nộp 50% tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là **16.077.124đ** (mười sáu triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bốn đồng) được trừ vào số tiền **29.000.000đ** (hai mươi chín triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004668 ngày 03/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại cho Ngân hàng N2 số tiền **12.922.876đ** (mười hai triệu chín trăm

hai mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng) tạm ứng án phí.

- Bà Đặng Thị C, ông Phan Văn N, anh Phan Văn C1 và chị Hoàng Thị Thu T2 phải nộp 50% tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật số tiền **16.077.124đ** (mười sáu triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó:

+ Bà Đặng Thị C, ông Phan Văn N được miễn nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

+ Anh Phan Văn C1 phải nộp **4.019.281đ** (bốn triệu không trăm mười chín nghìn hai trăm tám mươi một đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Chị Hoàng Thị Thu T2 phải nộp **4.019.281đ** (bốn triệu không trăm mười chín nghìn hai trăm tám mươi một đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 4;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Hùng